

Bản án số: 163/2019/HS-ST
Ngày 29-10-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Tuấn, bà Nguyễn Thu Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thảo - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Đặng Minh Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 153/2019/TLST-HS ngày 27 tháng 9 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 10 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Vũ Văn D, sinh năm 1997 tại huyện Y, tỉnh Bắc Giang; tên gọi khác: Không; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn H, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con Vũ Văn Đ, sinh năm 1963 (đã chết) và bà Trịnh Thị M, sinh năm 1964; gia đình có 3 chị em, bị cáo là con thứ 2; vợ con: chưa có;

Tiền án: Tại bản án số 31/2018/HSST ngày 22/5/2018, Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 08/12/2017. Ra trại ngày 26/4/2019.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt quả tang ngày, tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/6/2019 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang.

(Có mặt tại phiên tòa)

2. Họ và tên: Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1995 tại huyện Y, tỉnh Bắc Giang; tên gọi khác: Không; nơi ĐKKHTT: Thôn B, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1973; gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; có vợ là Phạm Thị T (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2016.

Tiền án: Tại bản án số 52/2017/HSST ngày 30/8/2017, Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang xử phạt 12 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Ra trại ngày 07/9/2018.

Tiền sự: Không.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/6/2019 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang.

3. Họ và tên: Dương Văn Đ, sinh năm 1995 tại huyện L, tỉnh Bắc Giang; tên gọi khác: Không; nơi ĐKHKTT: Thôn Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn X, sinh năm 1972 và bà Trịnh Thị H, sinh năm 1972; gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai; vợ, con: chưa có.

Tiền án:

+ Tại bản án số 58/2015/HSST ngày 22/9/2015, Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang xử phạt 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng về tội “Trộm cắp tài sản” tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chấp hành xong thời gian thử thách của án treo ngày 22/01/2017.

+ Tại bản án số 14/2018/HSST ngày 29/3/2018, Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ tạm giữ, tạm giam 11/01/2018. Ra trại ngày 11/5/2019.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/6/2019 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang.

(Có mặt tại phiên toà)

* Bị hại:

- Ông Phòng Văn L, sinh năm 1964, địa chỉ: Thôn T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

(Vắng mặt)

- Anh Lưu Văn Q, sinh năm 1976, địa chỉ: Thôn S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

(Vắng mặt)

- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1976, địa chỉ: Số 8, ngách 32, ngõ 445, đường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

(vắng mặt)

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Thân Văn Đ, sinh năm 1989, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

(vắng mặt)

- Anh Phạm Văn N, sinh năm 1978, địa chỉ: Khu 1, thị trấn K, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

(Vắng mặt)

* Người làm chứng:

- Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1982, địa chỉ: Số 2, ngách 23, tổ dân phố G, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

(Vắng mặt)

- Anh Dương Tiến D, sinh năm 1988, địa chỉ: Số 23, ngách 23, ngõ 77, đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Văn D cùng Nguyễn Ngọc B và Dương Văn Đ có mối quan hệ ngoài xã hội và cùng thuê trọ tại số nhà 32, ngõ 1, tổ dân phố T, thành phố B. Do không có công việc ổn định nên D, B và Đ đã rủ nhau đi trộm cắp xe mô tô để bán, lấy tiền ăn tiêu chung. Trong khoảng thời gian từ ngày 04/6/2019 đến ngày 11/6/2019, Vũ Văn D, Nguyễn Ngọc B và Dương Văn Đ đã cùng nhau thực hiện các vụ trộm cắp xe mô tô trên địa bàn thành phố B và huyện Y, tỉnh Bắc Giang, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 15 giờ 10 phút ngày 04/6/2019, Dương Văn Đ điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn đỏ, biển kiểm soát 98L4-4483 chở Vũ Văn D ngồi sau đi loanh quanh địa bàn xã T, huyện Y xem có ai sơ hở thì trộm cắp xe máy. Khi đi trên đoạn đường đê hữu sông Thương thuộc địa phận thôn T huyện Y thì D và Đ thấy 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Super Dream, màu sơn nâu, biển kiểm soát 98L8-9676 (sau này xác định của ông Phòng Văn L) dừng ở khu vực dưới sườn đê cạnh ao cá của gia đình ông L. Quan sát thấy xung quanh không có ai, Đ dừng xe lại, D đi bộ xuống sườn đê tiến đến vị trí dừng xe mô tô, dùng vạm phá khóa tự chế mang theo người từ trước phá ổ khóa điện. Sau đó D quay đầu xe, nổ máy điều khiển xe đi theo lối mòn lên mặt đường đê rồi đi về hướng thị trấn Neo, huyện Y, còn Đ điều khiển xe mô tô 98L4-4483 đi theo phía sau. Khi đi đến đoạn núi thuộc Tiểu khu 6, thị trấn N thì D dừng xe máy lại đổi xe cho Đ. Lúc này Đ điều khiển chiếc xe mô tô vừa trộm cắp được về nhà của mình ở thôn Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang còn D điều khiển xe mô tô của mình quay lại nhà để đón Nguyễn Ngọc B rồi cả hai cùng đến nhà Đ. Tại đây D, B và Đ cùng nhau tháo lồng, biển số, yếm xe của chiếc xe mô tô vừa trộm cắp được ra và dùng tua vít tẩy xóa số khung, số máy của xe. Sau đó Đ và D đem chiếc xe mô tô trên đến khu vực đóc Đ, thành phố B bán cho anh Thân Văn Đ được số tiền 4.800.000 đồng. Số tiền trên, D, Đ và B cùng chi tiêu hết.

Ngày 08/6/2019, ông Phòng Văn L có đơn trình báo Công an huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Cùng ngày 08/6/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Y đã xác định hiện trường vụ án. Vị trí chiếc xe mô tô bị trộm cắp là tại khu vực sườn đê hữu

sông T thuộc địa phận thôn T, xã Tiên D, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, tiếp giáp trang trại của ông Phòng Văn L.

Ngày 12/6/2019, anh Thân Văn Đ đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Y 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Super Dream, màu sơn nâu, biển kiểm soát 98L8-9676. Anh Đ yêu cầu D hoàn trả số tiền 4.800.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 30/KL-ĐGTS ngày 21/6/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Y kết luận: 01 chiếc xe mô tô BKS 98L8-9676, nhãn hiệu Super Dream, số khung 785377, số máy 0785398 có giá trị là 10.500.000 đồng.

Ngày 26/6/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Y đã trả cho ông Phòng Văn L 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Super Dream, màu sơn nâu, biển kiểm soát 98L8-9676. Đến nay ông L không yêu cầu bồi thường dân sự.

Vụ thứ hai: Khoảng 04 giờ ngày 10/6/2019, Vũ Văn D điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn đỏ, biển kiểm soát 98L4-4483 đi từ phòng trọ ở số 32, ngõ 1, tổ dân phố T, thành phố B đến xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang đón Nguyễn Ngọc B cùng nhau đi trộm cắp tài sản. Khi đi đến cầu Đ thuộc địa phận thôn N, xã T, thành phố B, D và B nhìn thấy 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu sơn trắng đen bạc, biển kiểm soát 98B2-547.72 (sau này xác định của anh Lưu Văn Q) dựng ở khu vực ven đường lối đi lên cầu Đ. Quan sát thấy xung quanh không có ai, D dừng xe lại, xuống xe rồi tiến đến vị trí dựng xe mô tô, dùng vạm phá khóa tự chế mang theo người phá ổ khóa điện rồi B điều khiển chiếc xe mô tô vừa trộm cắp được, còn D điều khiển xe của D và cả hai cùng về phòng trọ, lúc này đang có Đ ở đó. Đ biết việc D và B vừa trộm cắp được chiếc xe máy trên. Sau đó D, B và Đ đem chiếc xe vừa trộm cắp được lên huyện L, tỉnh Bắc Giang để tiêu thụ. Khi đi đến bãi rác thuộc xã P, huyện L, Đ trực tiếp dùng cờ lê tháo biển kiểm soát chiếc xe ra đưa cho B vứt tại bãi rác rồi cả ba tiếp tục đi lên thị trấn K, huyện L, tỉnh Bắc Giang gặp một người bạn của D tên là (D không rõ tên họ, địa chỉ). Tại đây, N chỉ cho D vào hiệu cầm đồ của anh Phạm Văn N ở khu I, thị trấn K, huyện L. Khi đến cửa hiệu của anh N, D và Đ đứng ngoài đợi còn B vào trong cửa hiệu đặt vấn đề bán chiếc xe cho anh N. Do không có giấy đăng ký xe nên anh N chỉ nhận đặt cọc cho B số tiền 3.300.000 đồng và giữ lại chiếc xe cho đến khi có đầy đủ giấy tờ sẽ làm thủ tục mua bán. Số tiền có được, D, B và Đ đã cùng nhau chi tiêu hết.

Ngày 10/6/2019 anh Lưu Văn Q có đơn trình báo Công an thành phố B. Ngày 12/6/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an thành phố B đã tiến hành xác định vị trí Nguyễn Ngọc B vứt chiếc biển kiểm soát 98B2-547.72 và thu giữ chiếc biển kiểm soát trên tại bãi rác thuộc thôn I, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Tại Kết luận định giá tài sản số 76/KL-HĐĐG ngày 13/6/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda

Wave@, màu sơn trắng-đen-bạc, BKS 98B2-547.72, xe cũ đã qua sử dụng, có trị giá 10.000.000 đồng.

Ngày 20/6/2019, anh Phạm Văn N đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an thành phố B 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn trắng, không BKS, không gương chiếu hậu, tay phanh trước bị gãy, số khung 035222, số máy bị đục tẩy xóa không rõ số.

Tại Kết luận giám định số 1083/KL-KTHS ngày 01/7/2019, Phòng kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Bắc Giang kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave α, màu sơn trắng-đen-bạc, không biển kiểm soát gửi giám định: Dãy số máy bị tẩy xóa, số nguyên thủy là HC12E-7035306; dãy số khung RLHHC1250FY035222 không bị hàn ghép, đóng đục lại.

Ngày 01/8/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an thành phố B đã trả cho anh Lưu Văn Q 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn trắng đen bạc, số máy HC12E7035306, số khung 1250FY035222 và 01 BKS xe mô tô số 98B2-547.72. Đến nay anh Q không yêu cầu bồi thường dân sự.

Ngày 12/8/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an thành phố B đã cho anh Phạm Văn N nhận dạng qua ảnh. Kết quả anh N chỉ ra Nguyễn Ngọc B là người đã bán chiếc xe mô tô trên cho anh ngày 10/6/2019. Anh N yêu cầu B hoàn trả số tiền 3.300.000 đồng.

Ngày 13/8/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an thành phố B đã xác định hiện trường vụ án. Vị trí chiếc xe mô tô bị trộm cắp là tại trên mặt đường Võ Văn Kiệt, đoạn đầu cầu Đồng Sơn phía bên phải theo hướng từ cầu Đồng Sơn đi thành phố B.

Vụ thứ ba: Khoảng 13 giờ ngày 11/6/2019, sau khi ăn cơm tại nhà của Nguyễn Ngọc B, Vũ Văn D và B rủ nhau đến khu vực thành phố B để trộm cắp tài sản. B khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn đỏ biển kiểm soát 98L4-4483 chở D ngồi sau. Khi đi đến đoạn đường vành đai thuộc địa phận thôn D, thành phố B thì D và B nhìn thấy 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, biển kiểm sát 98H8-5090 của anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1976 ở số 08 ngách 32, ngõ 445 đường L, phường H, thành phố B dừng trên đường bờ mương đi ra cánh đồng i, thuộc tổ dân phố G, thành phố B. Quan sát thấy không có ai trông coi, D nói với B dừng xe lại, cách khoảng 15m và dặn B đứng cạnh giới để D đi bộ đến chỗ để xe mô tô. D dùng vạm phá khóa chuẩn bị sẵn từ trước phá ổ khóa điện, ngồi lên xe điều khiển xe quay đầu nhưng do xe bị khóa càng nên không quay đầu được. Sau đó D bị phát hiện nên bỏ chạy thì bị quần chúng nhân dân giữ lại báo Công an phường D lập biên bản phạm tội quả tang, thu giữ: 01 xe mô tô biển kiểm soát 98H8-5090, 01 vạm phá khóa bằng kim loại, một đầu dẹt và một đầu còn lại có 06 cạnh ở túi quần phía trước bên trái đối tượng D đang mặc; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 5 màu trắng đã bị vỡ nứt màn

hình; 01 điện thoại Nokia màu đen; 01 pin dự phòng, chuyển Công an thành phố giải quyết theo thẩm quyền. Còn B sau khi thấy D bị đuổi bắt đã điều khiển xe của D tẩu thoát theo hướng đường X, thành phố B. Đến 23 giờ cùng ngày, B đến Công an thành phố B đầu thú, giao nộp 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia màu đen.

Ngày 11/6/2019 anh Nguyễn Văn T có đơn trình báo Công an thành phố B.

Ngày 11/6/2019, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét tại phòng trọ của Vũ Văn D, Nguyễn Ngọc B và Dương Văn Đ tại số 32, ngõ 1, tổ dân phố t, phường D, thành phố B thu giữ: 01 hồ sơ mang tên Vũ Văn D, 01 CMTND Phạm Thị Hoài, sinh ngày 13/5/1999 có nơi ĐKHKTT xã q, huyện c, tỉnh Lạng Sơn, 01 hóa đơn bán hàng của Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang ngày 09/6/2019 mang tên người mua hàng là Hoàng Thị Ánh N, sinh năm 2003 ở thị trấn đ, huyện c, tỉnh Lạng Sơn; 01 chai coóng bằng nhựa và nhiều ống hút bằng nhựa, giấy bạc, 01 kim cộng lực loại có tay cầm bằng nhựa cao su màu đỏ đen, 01 tay công hình chữ “L” hai đầu có 04 cạnh bằng kim loại, 01 cờ lê bằng kim loại, 02 dao quắm, lưỡi dao bằng kim loại đầu lưỡi dao cong và nhọn, lưỡi sắc, cán chuôi cầm bằng gỗ hình trụ tròn, 02 dao nhọn dạng dao phóng lợn, lưỡi dao bằng kim loại; 01 lưỡi sắt đầu mũi sắc nhọn, chuôi dao bằng gỗ hình trụ tròn, bên ngoài được quấn bằng băng dính màu đen, 01 áo phông màu đen in hình hoa văn mặt thú, áo nhiều màu sắc đỏ, vàng, trắng.

Ngày 30/8/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an thành phố B đã trả cho anh Nguyễn Văn Trung: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn xanh, xe đã qua sử dụng, BKS 98H8-5090, số máy 0397261, số khung 397110. Đến nay anh Trung không có yêu cầu bồi thường.

Tại Kết luận định giá tài sản số 75/KL-HĐĐG ngày 12/6/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B kết luận: 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn xanh, BKS 98H8-5090, xe cũ đã qua sử dụng, có trị giá 6.000.000 đồng.

Vật chứng còn lại của vụ án: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5, màu trắng, màn hình bị vỡ nứt; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, 01 quả pin dự phòng là của D, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen của B; 01 chai nhựa và nhiều ống hút bằng nhựa (07 chiếc) cùng nhiều mảnh giấy bạc (03 mảnh) các đối tượng dùng sử dụng ma túy; 01 chiếc vạm phá khóa bằng kim loại; 01 kim kim loại có tay cầm bằng cao su, màu đỏ, đen; 01 tay công hình chữ L, hai đầu có bốn cạnh bằng kim loại; 01 cờ lê bằng kim loại sử dụng để trộm cắp tài sản, tháo biển, yếm và đục số khung số máy; 02 con dao, dạng dao quắm, lưỡi dao bằng kim loại, đầu lưỡi dao nhọn, chuôi dao bằng gỗ hình trụ tròn; 02 con dao, dạng dao phóng lợn, đầu lưỡi dao nhọn, chuôi dao bằng gỗ hình trụ tròn bên ngoài quấn băng dính màu đen; 01 áo phông màu đen có in hình hoa văn hình mặt thú, có nhiều màu sắc đỏ, vàng, trắng đã được nhập kho vật chứng để xử lý theo quy định.

Quá trình điều tra, ngoài những lần trộm cắp nêu trên, Vũ Văn D, Nguyễn Ngọc B và Dương Văn Đ còn khai nhận đã thực hiện 02 vụ trộm cắp xe mô tô trên địa bàn xã q, huyện q, tỉnh Bắc Ninh các ngày 01/6/2019 và 08/6/2019. Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Q, tỉnh Bắc Ninh đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với D, B và Đ để điều tra theo thẩm quyền. Quá trình điều tra thu giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda loại xe Dream màu nâu không biển kiểm soát, không gương không yếm, không có giỏ xe, tình trạng xe không nổ máy, yên xe bị rách, số khung C100 0064 183, số máy C100 0064 183. Ngày 10/7/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an thành phố B đã bàn giao lại chiếc xe mô tô trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Q để giải quyết theo thẩm quyền.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn đỏ, biển kiểm soát 98L4-4483 mà các bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội: sau khi D bị phát hiện và bị bắt, B đưa xe mô tô cho em trai là Nguyễn Ngọc N, sinh năm 2000 nhờ mang đi cầm cố vay tiền. N nhờ bạn tên C mang đi cầm cố (không biết cầm cố ở đâu) được 4.000.000 đồng. Số tiền này B đã sử dụng để chơi bắn cá và bị thua hết. Nay không xác định được N ở đâu, C là ai nên không có căn cứ để xác định thu hồi chiếc xe mô tô trên.

Tại bản cáo trạng số 152/KSĐT ngày 25 tháng 9 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố các bị cáo Vũ Văn D, Nguyễn Ngọc B về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; truy tố Dương Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Vũ Văn D khai: Tất cả các lần trộm cắp đều do D khởi xướng, rủ các bị cáo còn lại. Ngày 04/6/2019, D và Đ xuất phát từ phòng trọ, trước khi đi trộm cắp có bàn với B và thống nhất B ở nhà chờ mang xe trộm cắp về để đi tiêu thụ lấy tiền ăn tiêu. Ngày 10/6/2019, D xuất phát từ phòng trọ, trước khi đi trộm cắp có bàn với Đ và thống nhất D và B là người thực hiện, Đ ở nhà chờ mang xe trộm cắp về rồi cùng đi tiêu thụ. Riêng ngày 10/6/2019, D và B đi từ nhà của B ở Y, tỉnh Bắc Giang. Khi cả hai trộm cắp không thông báo hay bàn bạc gì với Đ. D chấp nhận hoàn trả anh Thân Văn Đ toàn bộ số tiền 4.800.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Ngọc B khai: B không trực tiếp tham gia nhưng có biết và bàn bạc với D, Đ vụ trộm cắp ngày 04/6/2019, sau đó cùng D, Đ đi tiêu thụ xe trộm cắp, lấy tiền ăn tiêu chung. Vụ trộm cắp ngày 10 và 11/6/2019 thì B trực tiếp tham gia đúng như cáo trạng đã nêu. B chấp nhận hoàn trả anh Phạm Văn N toàn bộ số tiền 3.300.000 đồng.

Bị cáo Dương Văn Đ khai: Đ trực tiếp tham gia trộm cắp vụ ngày 04/6/2019. Vụ 10/6/2019, Đ không trực tiếp thực hiện nhưng có bàn với D, đồng ý để D đi cùng B. Sau khi lấy được xe, D tham gia tháo biển số xe rồi cùng mang lên huyện L, tỉnh Bắc

Giang để tiêu thụ tài sản. Riêng vụ ngày 11/6/2019 thì D không tham gia và không biết gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố Vũ Văn D, Nguyễn Ngọc B phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; Dương Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Vũ Văn D từ 18 đến 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 11/6/2019.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc B từ 16 đến 20 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 12/6/2019.

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Dương Văn Đ từ 24 đến 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 12/6/2019.

- 3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự trả lại các bị cáo các đồ vật không liên quan đến hành vi phạm tội, tịch thu tiêu hủy các đồ vật đã cũ, không còn giá trị sử dụng.

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 579, Điều 580 của Bộ luật Dân sự:

Buộc Vũ Văn D hoàn trả anh Thân Văn Đ số tiền 4.800.000 đồng.

Buộc Nguyễn Ngọc B hoàn trả anh Phạm Văn Nghĩa số tiền 3.300.000 đồng.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của Viện kiểm sát, xin Hội đồng xét xử cho hưởng mức án nhẹ nhất để có cơ hội đoàn tụ cùng gia đình .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Bắc Giang, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong

quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về tội danh: Căn cứ lời khai của các bị cáo tại phiên tòa và các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận:

[2.1] Trong khoảng thời gian từ ngày 04/6/2019 đến ngày 11/6/2019, Vũ Văn D, Nguyễn Ngọc B và Dương Văn Đ đã cùng nhau thực hiện các vụ trộm cắp xe mô tô trên địa bàn thành phố B và huyện Y, tỉnh Bắc Giang, trong đó Vũ Văn D, Nguyễn Ngọc B thực hiện 03 vụ trộm cắp với tổng giá trị tài sản trộm cắp là 26.500.000 đồng; Dương Văn Đ tham gia 02 vụ trộm cắp với tổng giá trị tài sản trộm cắp là 20.500.000 đồng, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 15 giờ 10 phút ngày 04/6/2019, tại khu vực dưới sườn đồi hữu sông Thương cạnh ao cá của gia đình ông Phòng Văn L, Vũ Văn D và Dương Văn Đ trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Super Dream, màu sơn nâu, biển kiểm soát 98L8-9676 có trị giá 10.500.000 đồng của ông L sau đó cùng Nguyễn Ngọc B đem bán cho anh Thân Văn Đ lấy số tiền 4.800.000 đồng để chi tiêu chung.

Vụ thứ hai: Khoảng 04 giờ ngày 10/6/2019, tại khu vực ven đường lối đi lên cầu Đồng Sơn, Vũ Văn D và Nguyễn Ngọc B đã trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu sơn trắng đen bạc, biển kiểm soát 98B2-547.72 có trị giá 10.000.000 đồng của anh Lưu Văn Q sau đó cùng Dương Văn Đ đem bán cho anh Phạm Văn N lấy số tiền 3.300.000 đồng để chi tiêu chung.

Vụ thứ ba: Khoảng 13 giờ ngày 11/6/2019, trên đường bờ mương đi ra cánh đồng đ, thuộc tổ dân phố g, phường D, thành phố B, Vũ Văn D và Nguyễn Ngọc B đang trộm 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, biển kiểm sát 98H8-5090 có trị giá 6.000.000 đồng của anh Nguyễn Văn T thì bị bắt quả tang. Dương Văn Đ không tham gia bàn bạc và không biết bị cáo D và B thực hiện hành vi trộm cắp này.

[2.2] Hành vi của bị cáo D và bị cáo B đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Đ có hai tiền án (đã tái phạm) lại tiếp tục phạm tội nên hành vi phạm tội lần này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Do đó, hành vi của bị cáo Đ đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố các bị cáo theo tội danh và Điều khoản trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội và vai trò của từng bị cáo:

[3.1] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an xã hội và hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân. Chỉ vì thỏa mãn nhu cầu cá nhân, các bị cáo đã lén lút trộm cắp tài sản của người khác. Các bị cáo đều đã bị xét xử về hình sự nhưng

không lấy đó làm bài học mà vẫn tiếp tục phạm tội chứng tỏ là những kẻ coi thường pháp luật. Do đó, cần xử nghiêm các bị cáo bằng pháp luật hình sự, áp dụng hình phạt tù giam có thời hạn để đảm bảo giáo dục bị cáo thành công dân biết tuân thủ pháp luật.

[3.2] Các bị cáo không có sự phân công nhiệm vụ cụ thể, không có kế hoạch sẽ trộm cắp tài sản của ai, ở đâu, tiêu thụ thế nào nên đây là đồng phạm có tính chất giản đơn. Bị cáo D luôn là người khởi xướng, người trực tiếp thực hiện cả 03 vụ trộm cắp tài sản nên có vai trò cao nhất. Tiếp đến là bị cáo B, đồng phạm với D trong 3 vụ trộm cắp tài sản nên có vai trò thứ hai. Bị cáo Đ đồng phạm với D trong 2 vụ trộm cắp tài sản nên có vai trò thứ 3. Do vậy, cần có hình phạt phù hợp với tính chất hành vi phạm tội và vai trò của từng bị cáo để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

[4] Xét về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo:

[4.1] Bị cáo D có thái độ khai báo thành khẩn và tỏ ra ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo có một tiền án, thực hiện 3 vụ trộm cắp tài sản nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[4.2] Bị cáo B có thái độ khai báo thành khẩn và tỏ ra ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình, sau khi phạm tội đã ra đầu thú nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo có một tiền án, thực hiện 3 vụ trộm cắp tài sản nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[4.3] Bị cáo Đ có thái độ khai báo thành khẩn và tỏ ra ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5] Đối với Ngân là bạn của D chỉ cho nhóm của D đến hiệu cầm đồ của anh Nghĩa cầm chiếc xe mô tô trên, quá trình điều tra không xác định được tên tuổi địa chỉ cụ thể, vì vậy không đề cập xử lý đối với Ng là phù hợp.

[6] Đối với anh Thân Văn Đ và Phạm Văn Nghĩa có hành vi mua xe mô tô do Vũ Văn D và Nguyễn Ngọc B đem bán nhưng không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có nên anh Đ và anh Nghĩa không vi phạm pháp luật.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Anh Thân Văn Đ yêu cầu bị cáo D hoàn trả 4.800.000 đồng, bị cáo D nhất trí. Anh Phạm Văn N yêu cầu bị cáo B hoàn trả 3.300.000 đồng, bị cáo B nhất trí. Do vậy, cần chấp nhận các yêu cầu trên của anh Thân Văn Đ và Phạm Văn theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 579, Điều 580 của Bộ luật Dân sự:

[8] Về vật chứng của vụ án:

01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5, màu trắng, màn hình bị vỡ nứt; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, 01 quả pin dự phòng của bị cáo D; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen của bị cáo B là những đồ vật không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho các bị cáo.

01 chai nhựa và nhiều ống hút bằng nhựa (07 chiếc) cùng nhiều mảnh giấy bạc (03 mảnh); 01 chiếc vạm phá khóa bằng kim loại; 01 kìm kim loại có tay cầm bằng cao su, màu đỏ, đen; 01 tay công hình chữ L, hai đầu có bốn cạnh bằng kim loại; 01 cờ lê bằng kim loại; 02 con dao, dạng dao quắm, lưỡi dao bằng kim loại, đầu lưỡi dao nhọn, chuôi dao bằng gỗ hình trụ tròn; 02 con dao, dạng dao phóng lợn, đầu lưỡi dao nhọn, chuôi dao bằng gỗ hình trụ tròn bên ngoài quấn băng dính màu đen; 01 áo phông màu đen có in hình hoa văn hình mặt thú, có nhiều màu sắc đỏ, vàng, trắng là những đồ vật đã cũ, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Cần tiếp tục tạm giam các bị cáo 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Vũ Văn D, Nguyễn Ngọc B, Dương Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Vũ Văn D 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 11/6/2019.

2.2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc B 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 12/6/2019.

2.3. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Dương Văn Đ 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 12/6/2019.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả lại bị cáo Vũ Văn D 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5, màu trắng, màn hình bị vỡ nứt; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, 01 quả pin dự phòng. Trả lại bị cáo Nguyễn Ngọc B 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen.

Tịch thu tiêu hủy 01 chai nhựa và nhiều ống hút bằng nhựa (07 chiếc) cùng nhiều mảnh giấy bạc (03 mảnh); 01 chiếc vạm phá khóa bằng kim loại; 01 kim kim loại có tay cầm bằng cao su, màu đỏ, đen; 01 tay công hình chữ L, hai đầu có bốn cạnh bằng kim loại; 01 cờ lê bằng kim loại; 02 con dao, dạng dao quắm, lưỡi dao bằng kim loại, đầu lưỡi dao nhọn, chuôi dao bằng gỗ hình trụ tròn; 02 con dao, dạng dao phóng lộn, đầu lưỡi dao nhọn, chuôi dao bằng gỗ hình trụ tròn bên ngoài quấn băng dính màu đen; 01 áo phong màu đen có in hình hoa văn hình mặt thú, có nhiều màu sắc đỏ, vàng, trắng.

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 579, Điều 580 của Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Vũ Văn D hoàn trả anh Thân Văn Đ số tiền 4.800.000 đồng. Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc B hoàn trả anh Phạm Văn N số tiền 3.300.000 đồng.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Buộc bị cáo Vũ Văn D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

7. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự ./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố B;
- Công an thành phố B;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS TP B;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương Giang